TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày: 25/5/2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bạch Đình Ca và ông Nguyễn Đình Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 21/4/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà HL Ktla, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
(Có mặt).
- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc Th, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Buôn H, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà HL Ktla trình bày:

Ngày 09/10/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiến 40.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3000 đồng/01 triệu/ngày, thời hạn vay là 30 ngày (tức đến ngày 09/11/2019) bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn. Thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao số tiền trên cho bị đơn vay và bị đơn có ký giấy xác nhận nợ của nguyên đơn số tiền nêu trên, để làm tin cho việc trả nợ bị đơn có giao cho nguyên đơn một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 885966 được UBND huyện A cấp cho ông Y Ng Byă vào ngày

14/7/1993. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bị đơn đã không trả được nợ cho nguyên đơn đúng như cam kết, mặc dù nguyên đơn đã đi đòi rất nhiều lần và có nhờ ban tự quản buôn H can thiệp nhưng bị đơn vẫn cố tình chây ì không trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 40.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi.

Đối với bị đơn là ông Phan Ngọc Th qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho bị đơn biết tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Do bị đơn không hợp tác tham gia tố tụng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn trong giấy vay tiền để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại kết luận giám định số 11/PC09 ngày 02/3/2020 của Phòng kỷ thuật hình sự công an tỉnh Đ kết luận chữ ký và chữ viết "Phạm Ngọc Th" trong giấy vay tiền ngày 09/10/2019 là do bị đơn ký và viết ra.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phạm Ngọc Th phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà HL Ktla số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng. Đối với tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà HL Ktla khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phạm Ngọc Th phải trả số tiền vay gốc theo Giấy vay tiền ngày 09/10/2019 nên quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại buôn H, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn ông Phạm Ngọc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Theo giấy vay tiền ngày 09/10/2019 mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn và lời khai của nguyên đơn xác định: Vào ngày

09/10/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiến 40.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 3000 đồng/01 triệu/ngày, thời hạn vay là 30 ngày (tức đến ngày 09/11/2019) bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn. Thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao số tiền trên cho bị đơn vay và bị đơn có ký giấy xác nhận nợ của nguyên đơn số tiền nêu trên. Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn kể cả số tiền lãi và tiền gốc là vi phạm nghĩa vụ và sự thỏa thuận giữa cácbên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết vụ án là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Tại kết luận giám định số 11/PC09 ngày 02/3/2020 của Phòng kỷ thuật hình sự công an tỉnh Đ kết luận chữ ký và chữ viết "Phạm Ngọc Th" trong giấy vay tiền ngày 09/10/2019 là do bị đơn ký và viết ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Buộc bị đơn ông Phạm Ngọc Th phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà HL Ktla số tiền vay gốc 40.000.000 đồng. Đối với tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thừa nhận khi cho bị đơn vay tiền, để làm tin cho việc trả nợ bị đơn có giao cho nguyên đơn một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 885966 được UBND huyện A cấp cho ông Y Ng Byă vào ngày 14/7/1993 và hiện nay nguyên đơn vẫn đang còn giữ giấy tờ trên của bị đơn. Xét thấy, việc các bên giao Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất cho nhau là chỉ để mục đích làm tin với nhau chứ không phải là biên pháp bảo đảm, các bên không lập hợp đồng thế chấp và cũng không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để xử lý theo trình tự, thủ tục thi hành án dân sự để thu hồi nợ cho nguyên đơn mà cần buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn giấy tờ nêu trên là phù hợp.

[4] Về chi phí giám định: Việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn là có căn cứ nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 4.320.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết mà nguyên đơn đã nộp.

[5] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn không thuộc trương hợp đượcc miễn, giảm án phí nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, được xác định như sau : 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 161, 227, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà HL Ktla. Buộc bị đơn ông Phạm Ngọc Th có nghĩa vụ trả cho bà HL Ktla số tiền vay gốc 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bà HL Ktla có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Ngọc Th một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 885966 được UBND huyện A cấp cho ông Y Ng Byă vào ngày 14/7/1993.

2. Về chi phí giám định: Ông Phạm Ngọc Th có nghĩa vụ hoàn trả cho bà HL Ktla số tiền 4.320.000đ (bốn triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) chi phí giám định.

3. Về án phí: Bà ông Phạm Ngọc Th phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà HL Ktla không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0007002 ngày 02 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chị cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quốc Định